TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13- 01- 2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hiếu; bà Nguyễn Thị Hương
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6- Thanh Hóa
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Thức- Kiểm sát viên
Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 6- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa:
Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1956
CCCD số 038056000969
Cư trú tại: Thôn Đ, phường B, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978
CCCD số 038178002227
Cư trú tại: Thôn Đ, phường B, tỉnh Thanh Hóa
(vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2025 và bản tự khai nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện đến với nhau được sự nhất trí của bố mẹ hai bên và đã được UBND xã H làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 12/11/2013 (nay là phường B), tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian vợ chồng kết hôn được một vài năm đầu có hạnh phúc, dần dần có mâu thuẫn nên không còn giữ được hạnh phúc. Nguyên nhân vì tài sản kinh tế không minh bạch, suốt 13 năm làm bà H giữ tiền hết. Trong thời gian chung sống đến năm 2014 bà H bỏ nhà đi một tháng ông gọi điện thoại mới về, đến năm 2024 lại tiếp tục bỏ đi 6 tháng khi đó ông bị bệnh cấp cứu ở bệnh viện ACA ông gọi không về, mãi sau mới về. Sau đó về đến ngày 17/8/2025 lại tiếp tục bỏ nhà đi lần này đã thu gom hết tài sản như tiền vàng đem đi hết, ông phát hiện được bỏ nhà đi thì ông có gọi điện không liên lạc được. Khi hai bên gia đình biết và H bỏ nhà đi thì mọi người đã khuyên bảo bà H trở về nhưng bà H không về. Nay ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Ông L không đề nghị Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 29/12/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (nay là phường B), tỉnh Thanh Hóa năm 2013. Vợ đầu ông L chết nên bà lấy ông L là vợ hai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà ông L. Chúng sống với nhau đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì ông L thường xuyên kiếm chuyện với bà, đã nhiều lần đuổi bà ra khỏi nhà, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không ai nhường nhịn ai. Vì ông L đã nhiều lần đuổi bà nên bà đã bỏ nhà đi 4 tháng nay và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay nếu ông L muốn làm đơn ly hôn thì bà cũng đồng ý.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng bà có đứng vay tiền cho con riêng của ông L 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tại Ngân hàng A. Một món vay nợ của ngân hàng V1 số tiền bao nhiêu bà không được biết. Nếu ông L muốn ly hôn thì nợ nần ông L tự trả, bà không có trách nhiệm.

Bà đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32 ngày 26/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6- Thanh Hoá. Tuy nhiên, vì lý do công việc bận bà không tham gia phiên toà được. Vì vậy, bà đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại biên bản xác minh ngày 15/10/2025 ông Trịnh Văn O trưởng thôn Đông V cho biết: Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị H kết hôn tại UBND xã H năm 2013.

Ông V lấy bà H là vợ hai. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ vì ông bà không báo cáo với chính quyền địa phương nên trưởng thôn không tổ chức hoà giải về mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay bà H đang cư trú tại thôn Đ, phường B. Tuy nhiên, bà H đã đi khỏi địa phương 01 tháng nay. Nay ông L làm đơn ly hôn bà H đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Trưởng thôn cùng Toà án đã tiến hành giao thông báo cho mẹ để bà H ở cùng thôn Đ bà (mẹ bà H) nhưng bà không ký vào biên bản, bà trình bày bà không biết bà H đi đâu, làm gì, mẹ con bà thỉnh thoảng nói chuyện với nhau qua điện thoại chứ không gặp mặt nhau. Ông O cũng đã gọi điện thoại cho bà H trao đổi về tình hình ông L làm đơn ly hôn bà H nhưng bà H nói ông L muốn làm gì thì làm, bà không quan tâm.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 17/12/2025 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo ngày 02/12/2025, tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do. Ông Bùi Văn L có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS), TAND khu vực 6- Thanh Hoá tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L

- Về hôn nhân: Xử cho ông Bùi Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị H

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Ông L không đề nghị Toà án giải quyết. Bà H trình bày vợ chồng có nợ ngân hàng. Tuy nhiên, bà H yêu cầu đã vượt quá phạm vi khởi kiện nên đề nghị HĐXX dành quyền dân sự cho bà H khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS.

* Về án phí DSST: Ông L có đơn đề nghị miễn án phí DSST nên đề nghị miễn án phí DSST cho ông Bùi Văn L vì là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật: Ông Bùi Văn L khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn";

[1.2] Bị đơn cư trú tại phường B, tỉnh Than Hóa, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6- Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, ông Bùi Văn L có mặt, bà Nguyễn Thị H đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

[2] **Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:**

- Về hôn nhân: Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (nay là phường B), tỉnh Thanh Hóa đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, theo ông L vì kinh tế vợ chồng không minh bạch và bà H đã bỏ nhà đi nhiều lần không quan tâm đến ông. Bà H cho rằng ông L thường xuyên kiếm chuyện với bà và nhiều lần đuổi bà ra khỏi nhà. Nay ông L cương quyết xin ly hôn bà H, bà H cũng đồng ý. Tuy nhiên, Toà án đã triệu tập bà H đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Nên ông L đề nghị Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận được Q đưa vụ án ra xét xử bà H mới có quan điểm thể hiện việc bà đồng ý ly hôn ông L. HĐXX thấy, ông L, bà H đến với nhau là lần 2, chung sống với nhau đã lâu, không có tiếng nói chung và không có con chung, bà H đã bỏ nhà đi từ ngày 27/8/2025 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông L cương quyết ly hôn bà H cũng đồng ý. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông L và bà H xử cho ông L ly hôn với bà H là phù hợp.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên HĐXX miễn xét.

- Về tài sản: Ông L trình bày không đề nghị Toà án giải quyết. Bà H khai vợ chồng bà có đứng vay tiền cho con riêng của ông L 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tại Ngân hàng A. Một món vay nợ của ngân hàng V1 số tiền bao nhiêu bà

không được biết. Nếu ông L muốn ly hôn thì nợ nần ông L tự trả, bà không có trách nhiệm.

HĐXX xét thấy, tại khoản 3 Điều 200 BLTTDS quy định "bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải". Trong vụ án này ông L không đề nghị Toà án giải quyết tài sản, bà H sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử mới khai về món nợ ngân hàng. Như vậy, nội dung yêu cầu của bà H đã vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS. Nên nếu bà H có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí DSST: Ông Bùi Văn L có đơn miễn án phí DSST vì là người cao tuổi nên miễn án phí DSST cho ông Bùi Văn L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L

- Về hôn nhân: Xử cho Bùi Văn L ly hôn với bà Nguyễn Thị H
- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên Toà án không giải quyết.
- Về tài sản: Ông L không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu bà H có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

* Về án phí DSST: Miễn án phí DSST cho ông Bùi Văn L vì là người cao tuổi.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Bùi Văn L, vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

Ông Bùi Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/01/2026). Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 6;*
- *Đương sự;*
- *THADS tỉnh Thanh Hoá;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND phường Bỉm Sơn (12/11/2013);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TỐNG THỊ HÀ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA